

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-ST
Ngày 29 tháng 7 năm 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Bắc

Thư ký phiên tòa: Bà Trần thị Kim Dung - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Dương Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST - HS ngày 30 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn Q, sinh ngày 17 tháng 12 năm 1990.

Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn K và bà: Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị H; Có 02 con; lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Dương Tiến H, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1995.

Nơi cư trú: thôn Yên Lương, xã Tứ Yên, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Tiến P và bà: Trần Thị T; Vợ, con: chưa có.

Tiền sự: không.

Tiền án: 02 tiền án:

- Bản án số: 145/2014/HSST ngày 24/9/2014 của TAND thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 01/5/2017 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

- Bản án số: 19/2018/HSPT ngày 22/3/2018 của TAND tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 21/12/2018 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

Tiền sử bản thân: Quyết định số: 53/QĐ ngày 30/10/2017, Công an huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt hành chính 750.000đ về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 31/10/2017 đã nộp tiền phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Hà Thế Qu, sinh ngày 25 tháng 4 năm 1993.

Nơi cư trú: thôn Lương Thịnh, xã Tứ Yên, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Đình L và bà: Không Thị T; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, Tiền sự: không.

Tiền sử bản thân: Bản án số: 31/2014/HSST ngày 19/9/2014 của TAND huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 30/8/2016 chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/4/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Trần Văn K, sinh năm 1959, vắng mặt

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961, có mặt

Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị Oanh, sinh năm 1985, có mặt

Nơi cư trú: thôn Q, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền sử dụng chất ma túy và tiêu xài cá nhân nên khoảng hơn 09 giờ ngày 21/3/2020, Trần Văn Q rủ Dương Tiến H về nhà bố mẹ Q là ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị T ở thôn L, xã T để Q xin tiền bà T (để mua ma túy cùng nhau sử dụng). Khi về đến cổng thì Q bảo H đứng ngoài, Q vào nhà xin 200.000đ nhưng bà T không cho, sau đó ông K chở bà T cùng cháu Trần Thị Huyền A, sinh năm 2018 (con Q) đi chợ tại xã Đ. Q bảo H vào ngồi phòng khách uống nước, lúc này có cháu Bùi Minh Đ, sinh năm 2009 (cháu của Q) và cháu Trần Hạo N, sinh năm 2014 (con trai của Q) ở nhà. Q nói với H: “*Không xin được tiền*” rồi đến rút dây nguồn điện chiếc ti vi Sony 48 inch của ông K treo trên tường tại phòng khách, dùng hai tay nhấc ngược chiếc ti vi khỏi giá đỡ, H thấy vậy nên hỏi: “*Chú làm gì đấy*”, do có cháu Đ và cháu N ở gần đó biết nên Q nói dối: “*Đem đi sửa*” và bảo H: “*Mày rút hộ cái dây giàn cho chú*”, lúc

này H biết mục đích của Q lấy trộm cắp chiếc ti vi và đến rút dây ăng ten ra khỏi ti vi để Q ôm ti vi ra đặt tại thềm hè gian giữa nhà ông K. Q đứng ở sân thấy Hà Thế Qu đi xe máy BKS: 88S3-2360 qua cổng nên Q gọi Qu đi lên sân, Q nói: “*Mày chở hộ tao vào Đ đem cái ti vi đi cấm, không cấm được thì bán*”, Qu biết Q trộm cắp chiếc ti vi của ông K nên nói: “*Về bố, mẹ mày biết chứ tao chết*”, Q nói tiếp: “*Tao với mày chơi với nhau làm gì mà khó khăn thế*”. Thấy Q nói vậy, tuy biết Q trộm cắp tài sản của bố mẹ, nhưng vì nể nên Qu đồng ý. Qu quay xe máy cho Q ôm chiếc ti vi ngồi giữa, sau đó Qu chở Q và H đem chiếc ti vi vừa trộm cắp đến bán cho quán sửa chữa điện tử D ở xã Đ thì nhìn thấy ông K, bà T cùng cháu A đang đứng phía trước cách quán D khoảng 10 mét. Sợ ông K, bà T phát hiện nên Q bảo Qu quay đầu xe, chở đến quán karaoke H ở thôn Đ, xã Đ, huyện Sông Lô để tìm cách bán ti vi. Khi đến quán, Qu và H ngồi ngoài bàn kê tại sân quán chờ, khoảng 5 phút sau thì Qu đi xe về trước trả xe máy cho anh Nguyễn Viết T SN 1986 (anh rể của Qu). Q đem ti vi vào trong nhà bán cho chị Trần Thị O SN 1985 (chủ quán hát) được số tiền 1.250.000đ. Số tiền bán ti vi, Q cùng H mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra vụ án: chị O tự nguyện giao nộp chiếc ti vi Sony 48W650D; bị cáo Q giao nộp 01 tờ giấy viết tay để điều tra theo quy định.

Tại kết luận định giá tài sản số: 16 ngày 01/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Sông Lô kết luận: *Chiếc ti vi Sony 48W650D trị giá 8.720.000đ (tám triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng).*

Đối với chị Trần Thị O, khi mua chiếc ti vi trên không biết do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với những lần mua ma túy sử dụng, Q khai đều là do Q mua của người phụ nữ khoảng 40 tuổi, không rõ tên, địa chỉ tại Tp Vĩnh Yên nên không có cơ sở điều tra làm rõ.

01 chiếc ti vi Sony do chị O giao nộp, xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông K và bà T, Cơ quan điều tra đã trả lại, ông K và bà T không đề nghị gì về bồi thường thiệt hại.

Đối với chiếc xe máy BKS: 88S3-2360, là của anh Nguyễn Viết T, do anh Trọng không biết Qu sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ.

Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Q và chị Trần Thị O thỏa thuận, theo đó bị cáo Q tự nguyện bồi thường, trả cho chị O toàn bộ số tiền 1.250.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKS ngày 27 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô truy tố bị cáo Dương Tiến H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Trần Văn Q và Hà Thế Qu về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 + khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H. Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 + khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Qu. Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 589, Điều 357 Bộ luật dân sự đối với bị cáo Q.

Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTHQH14 quy định về án phí, lệ phí đối với cả 03 bị cáo Q, H, Qu.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn Q, Dương Tiến H, Hà Thế Qu phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Trần Văn Q từ 10 tháng đến 12 tháng tù, tính từ ngày 16/4/2020.

Xử phạt: Dương Tiến H từ 24 tháng đến 30 tháng tù, tính từ ngày 16/4/2020.

Xử phạt: Hà Thế Qu từ 08 tháng đến 10 tháng tù, tính từ ngày 16/4/2020.

Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý vật chứng, bồi thường dân sự của vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn Q, Dương Tiến H, Hà Thế Qu khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo thừa nhận đã có hành vi “trộm cắp tài sản” trị giá 8.720.000đ của ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị T vào ngày 21/3/2020 tại thôn L, xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng và không có lời bào chữa nào khác.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của chính các bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Từ đó, có căn cứ kết luận: các bị cáo Trần Văn Q, Hà Thế Qu phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định.

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”..

Đối với Dương Tiến H, do lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm

nguy hiểm” nên hành vi phạm tội của bị cáo được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định.

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm.”

3. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo vì lợi ích cá nhân của mình, lợi dụng sự mất cảnh giác của người dân trong việc bảo vệ tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản phục vụ cho nhu cầu ích kỷ của bản thân. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy, phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử đã cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Dương Tiến H: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 + khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu, từng bị xử phạt hành chính, kết án nhiều lần về hành vi liên quan đến chiếm đoạt tài sản. Bị cáo tham gia với vai trò thực hành tích cực, lại cùng nhau sử dụng tiền bán tài sản để mua ma túy sử dụng. Lần phạm tội này của bị cáo là “Tái phạm nguy hiểm”, bị xét xử theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án phạt tù nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo và dẫn dắt, phòng ngừa chung.

Trần Văn Q: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt. Tuy nhiên, bị cáo là người chủ mưu, cầm đầu, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là con nghiện ma túy, tài sản trộm cắp lại là của chính bố mẹ bị cáo. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án phạt tù nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và dẫn dắt, phòng ngừa chung.

Hà Thế Qu: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 + khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo tham gia phạm tội với vai trò thứ yếu, giúp sức cho bị cáo Q, nên được hưởng mức án thấp hơn bị cáo Q. Tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu, từng bị kết án về hành vi liên quan đến ma túy, bản thân bị cáo là con nghiện ma túy, không có việc làm ổn định. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án phạt tù nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và dẫn dắt, phòng ngừa chung.

Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *“ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ”*. Qua xem xét điều

kiện, hoàn cảnh của các bị cáo thấy rằng: các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định, gia đình không có tài sản có giá trị lớn, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Đối với chị Trần Thị O mua tài sản từ bị cáo Q, nhưng không biết đây là tài sản do Q và các bị cáo khác trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Lô không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với những lần mua ma túy sử dụng, Q khai đều là do Q mua của người phụ nữ khoảng 40 tuổi, không rõ tên, địa chỉ tại Tp Vĩnh Yên nên không có cơ sở điều tra làm rõ.

5. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

01 chiếc ti vi Sony do chị O giao nộp, xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông K và bà T, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông, bà là đúng chủ sở hữu. Ông K và bà T không đề nghị gì về bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc xe máy BKS: 88S3-2360, là của anh Nguyễn Viết T, do anh Trọng không biết Qu sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ là phù hợp, HĐXX không xem xét.

Đối với: 01 tờ giấy viết tay của Q, cần lưu theo hồ sơ vụ án.

Trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị O và bị cáo Q thỏa thuận, theo đó bị cáo Q trả cho chị O toàn bộ số tiền 1.250.000đ. Xét thỏa thuận là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên cần buộc bị cáo Q trả tiền cho chị O.

6. Về án phí: Bị cáo Trần Văn Q, Dương Tiến H, Hà Thế Qu phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Q còn phải chịu án phí dân sự trong án hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 + khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H.

Khoản 1 Điều Điều 173; điểm i, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Điều 589; Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 26 Luật thi hành án dân sự đối với bị cáo Q.

Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 + khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Qu.

Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTHQH14 quy định về án phí, lệ phí đối với tất cả các bị cáo.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn Q, Dương Tiến H, Hà Thế Qu phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Dương Tiến H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/4/2020.

Trần Văn Q 01 (một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/4/2020.

Hà Thế Qu 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/4/2020.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc Trần Văn Q phải bồi thường, trả cho chị Trần Thị O số tiền 1.250.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không nộp, trả, bồi thường đủ số tiền theo quyết định nêu trên, thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về vật chứng: Xác nhận Cơ quan CSĐT đã trả lại cho ông K, bà T 01 ti vi sony là đúng chủ sở hữu.

Án phí: Dương Tiến H, Hà Thế Qu phải chịu nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Trần Văn Q phải chịu nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự trong án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Sông Lô;
- CCTHADS huyện Sông Lô;
- Công an huyện Sông Lô;
- TTG Công an Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã T;
- Bị cáo, Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ LQ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công